

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28-3-2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quảng Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Như
Bà Vừ Thị Hoa;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lã Thu Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Khải Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Khu B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu; (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Anh T1, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Khu B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu; (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 11 năm 2024 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Trần Thị T trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Lê Anh T1 tự nguyện tìm hiểu, sống chung có đăng ký kết hôn ngày 20/9/2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại Khu B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Sống chung hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp tính tình và bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được hai bên gia đình động viên, hoà giải, anh chị đã tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả. Tháng 11/2023 chị Trần Thị T nộp đơn khởi kiện ly hôn với anh Lê Anh T1. Toà án nhân dân huyện Than Uyên thụ lý, xét xử bằng Bản án số 09/2024/HNGĐ-ST ngày 27/3/2024 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị T. Sau khi Toà án giải quyết anh chị tiếp tục về sống chung nhưng vẫn tồn tại mâu thuẫn trong tư tưởng, quan điểm, tín

ngưỡng. Chị Trần Thị T xác định, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Anh T1.

Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị Trần Thị T và anh Lê Anh T1 có hai con chung chưa thành niên là cháu Lê Long M, sinh ngày 20/02/2014 và cháu Lê Huy M1, sinh ngày 30/9/2015. Ly hôn, chị Trần Thị T có yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung chưa thành niên và không yêu cầu anh Lê Anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, kèm theo đơn khởi kiện chị Trần Thị T đã nộp cho Tòa án: Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận kết hôn số 42/2013 ngày 20/9/2013; bản sao có chứng thực giấy khai sinh số 128/2014 ngày 25/8/2014; bản sao có chứng thực giấy khai sinh số 87 ngày 06/4/2016 của Ủy ban nhân dân phường T, quận H, thành phố Hà Nội cấp; bản sao căn cước công dân chị Trần Thị T, anh Lê Anh T1 và xác nhận nơi cư trú; sổ khám bệnh; Quyết định về việc xếp lại ngạch, bậc lương công chức; sao kê tài khoản chị Trần Thị T. Việc giao nộp tài liệu chứng cứ đúng thời gian và đúng trình tự, thủ tục.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại các biên bản lấy lời khai bị đơn là anh Lê Anh T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Anh T1 khẳng định về thời gian sống chung và đăng ký kết hôn như chị Trần Thị T trình bày là đúng. Anh chị sống chung hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Trần Thị T hiểu lầm gia đình chồng không quan tâm đến con, cháu; khi anh T1 khuyên bảo chị T nên hạn chế đi uống rượu, ăn cơm cùng cơ quan tránh ảnh hưởng đến sức khỏe thì chị T không nghe cho rằng anh kiểm soát cuộc sống của chị. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình động viên, hoà giải, Tòa án huyện Than Uyên đã giải quyết bằng bản án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị T. Thời kỳ hôn nhân tuy có những mâu thuẫn nhưng anh Lê Anh T1 cho rằng anh chị vẫn khắc phục được, do còn tình cảm vợ chồng nên anh T1 không đồng ý ly hôn với chị Trần Thị T.

Về nuôi con chung: Anh Lê Anh T1 công nhận anh và chị Trần Thị T có hai con chung chưa thành niên như chị Trần Thị T trình bày là đúng. Nếu phải ly hôn, anh Lê Anh T1 có yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung và không yêu cầu chị Trần Thị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh Lê Anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Anh T1 đã nộp cho Tòa án: Hợp đồng thuê nhà kinh doanh; 04 Hợp đồng thuê vị trí đặt trạm viễn thông; Quyết định về việc giao nhiệm vụ cán

bộ nhân viên. Việc giao nộp tài liệu chứng cứ đúng thời gian và đúng trình tự, thủ tục.

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Than Uyên đã thụ lý vụ án và xác minh tình trạng hôn nhân xác định:

Anh Lê Anh T1 và chị Trần Thị T sống chung có đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T. Sau khi kết hôn anh chị sống, làm việc, đăng ký tạm trú tại khu B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Quá trình chung sống anh chị khẳng định có phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, đặc biệt là vào năm 2023. Mặc dù đã tìm cách khắc phục, hàn gắn nhưng đến tháng 11/2023 chị Trần Thị T nộp đơn khởi kiện ly hôn với anh Lê Anh T1. Tòa án nhân dân huyện Than Uyên thụ lý, xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị T. Sau khi tòa án giải quyết anh chị tiếp tục về sống chung nhưng vẫn tồn tại mâu thuẫn trong tư tưởng, quan điểm, tín ngưỡng nên chị T khởi kiện ly hôn với anh Lê Anh T1.

Anh Lê Anh T1 và chị Trần Thị T có nơi cư trú ổn định, có nhà riêng tại Khu B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Anh Lê Anh T1 là Giám đốc Kinh doanh, Trung tâm Than Uyên, CNCT V, mức thu nhập bình quân là 15.000.000 đồng/tháng. Chị Trần Thị T là Công chức Kho bạc Nhà nước Than Uyên trực thuộc Kho bạc Nhà nước L, mức thu nhập 13.400.000 đồng/tháng, ngoài ra chị còn kinh doanh thêm với mức thu nhập là 20.000.000 đồng/tháng, trung bình thu nhập của chị 33.400.000 đồng/tháng. Anh chị có nhân thân tốt, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và quy định của địa phương, không ai mắc tệ nạn xã hội.

Chị Trần Thị T và anh Lê Anh T1 có hai con chung chưa thành niên là cháu Lê Long M, sinh ngày 20/02/2014 và cháu Lê Huy M1, sinh ngày 30/9/2015. Các con chung khỏe mạnh và mọi điều kiện sinh hoạt, học tập đều được đảm bảo.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị T và anh Lê Anh T1 không thỏa thuận được việc ly hôn, có tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt nội dung giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Lê Anh T1. Anh Lê Anh T1 có mặt tại phiên tòa và giữ nguyên quan điểm không nhất trí ly hôn với chị Trần Thị T; về nuôi con nếu ly hôn anh có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Huy M1, chị T trực tiếp nuôi cháu Lê Long M và không yêu cầu tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ

luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Về phía các đương sự: Các đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51; 53; 56; 57; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và đình năm 2014; Các Điều 5; Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Trần Thị T ly hôn với anh Lê Anh T1.

Về con chung: Giao cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là Lê Long M, sinh ngày 20/02/2014 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động.

Giao cho anh Lê Anh T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là Lê Huy M1, sinh ngày 30/9/2015 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động.

Do chị Trần Thị T và anh Lê Anh T1 không yêu cầu nhau cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Lê Anh T1 có hộ khẩu thường trú tại phường T, quận H, thành phố Hà Nội, hiện đang sinh sống, làm việc, đăng ký tạm trú tại Khu B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 24/3/2025, Tòa án nhân dân huyện Than Uyên mở phiên tòa lần thứ nhất, anh Lê Anh T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Ngày 28/3/2025, Tòa án mở lại phiên tòa, anh Lê Anh T1 có mặt, chị Trần Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Trần Thị T.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, qua xác minh và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định: Chị Trần Thị T và anh Lê Anh T1 sống chung có đăng ký kết hôn vào ngày 20/9/2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Lê Anh T1 là hôn nhân hợp pháp.

Anh Lê Anh T1 cho rằng chị Trần Thị T hiếu gia đình chồng không quan tâm đến con cháu và bản thân anh chỉ quan tâm đến vợ chứ không kiểm soát; anh T1 khẳng định bản thân anh theo đạo Phật nhưng không làm ảnh hưởng tới đời sống hôn nhân. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Anh T1 và chị Trần Thị T khẳng định anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã tìm cách khắc phục, hàn gắn nhưng đến tháng 11/2023 chị Trần Thị T nộp đơn khởi kiện ly hôn với anh Lê Anh T1. Tòa án nhân dân huyện Than Uyên thụ lý, xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị T. Sau khi tòa án giải quyết anh chị tiếp tục về sống chung nhưng vẫn tồn tại mâu thuẫn trong tư tưởng, quan điểm, tín ngưỡng. Chị Trần Thị T khẳng định không còn tình cảm với anh Lê Anh T1 nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Tòa án nhân dân huyện Than Uyên đã tiến hành mở phiên hòa giải để anh chị đoàn tụ nhưng không thành. Hội đồng xét xử nhận định, mâu thuẫn vợ chồng chị Trần Thị T, anh Lê Anh T1 đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt không thể hàn gắn. Các bên đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng như không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, một bên đã không còn tình cảm. Giữa chị T và anh T1 không có sự thống nhất quan điểm về tư tưởng, tín ngưỡng của nhau, không có sự giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị T là có căn cứ phù hợp với các quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận, xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Lê Anh T1.

[3.2] Về nuôi con chung: Căn cứ giấy khai sinh 128/2014 ngày 25/8/2014; số 87 ngày 06/4/2016 của Ủy ban nhân dân phường T, quận H, thành phố Hà Nội cấp xác định, trong thời kỳ hôn nhân, chị Trần Thị T và anh Lê Anh T1 có hai con chung chưa thành niên là cháu Lê Long M, sinh ngày 20/02/2014 và cháu Lê Huy M1, sinh ngày 30/9/2015.

Xét về điều kiện nuôi con, anh Lê Anh T1 và chị Trần Thị T đều có nơi cư trú ổn định, có nhà riêng tại Khu B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Anh Lê Anh T1 là Giám đốc Kinh doanh, Trung tâm Than Uyên, CNCT V, mức thu nhập bình quân là 15.000.000 đồng/tháng. Chị Trần Thị T là Công chức Kho bạc Nhà nước Than Uyên trực thuộc Kho bạc Nhà nước L, mức thu nhập 13.400.000 đồng/tháng, ngoài ra chị còn kinh doanh thêm với mức thu nhập là 20.000.000 đồng/tháng, trung bình thu nhập của chị 33.400.000 đồng/tháng. Anh chị có nhân thân tốt, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và quy định của địa phương,

không ai mắc tệ nạn xã hội, cả hai có điều kiện như nhau trong đảm bảo việc sinh hoạt, học tập của con chung chưa thành niên.

Tại thời điểm giải quyết vụ án xác định các cháu Lê Long M, Lê Huy M1 đã trên 07 tuổi, căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Than Uyên tiến hành hỏi ý kiến con chung chưa thành niên, kết quả: Cháu Lê Long M muốn sống cùng mẹ, cháu Lê Huy M1 muốn sống cùng với bố và mẹ.

Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu cháu Lê Long M, Lê Huy M1 hiện đang ở độ tuổi rất cần sự quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng của cha mẹ để đảm bảo phát triển về thể chất, tinh thần và nhân cách. Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, ý kiến của con chung chưa thành niên và căn cứ vào điều kiện như nhau của chị Trần Thị T và anh Lê Anh T1 trong việc nuôi con sau ly hôn. Hội đồng xét xử cần giao chị T, anh T1 nuôi dưỡng mỗi người một con chung: giao cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là Lê Long M cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động.

Giao cho anh Lê Anh T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là Lê Huy M1 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị T và anh Lê Anh T1 không yêu cầu nhau cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài chung và nợ chung, cho vay chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên về giải quyết nội dung vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Các Điều 143, 147, 227, 228, 266, 267, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81 82, 83 Luật Hôn nhân và đình năm 2014;
- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T ly hôn với anh Lê Anh T1.

2. Về nuôi con chung:

Giao cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là Lê Long M, sinh ngày 20/02/2014 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động.

Giao cho anh Lê Anh T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là Lê Huy M1, sinh ngày 30/9/2015 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động.

Anh Lê Anh T1, chị Trần Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Xác nhận chị Trần Thị T đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0001242 ngày 28/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu nay chuyển thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Than Uyên;
- Chi cục THA dân sự huyện Than Uyên;
- Các đương sự (Để thi hành);
- UBND thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;
- Công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Quàng Thị Phương